

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH
Tuần 23 (06/6-10/6/2022)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

WB: Hạ triển vọng tăng trưởng toàn cầu;

OECD hạ sâu dự báo tăng trưởng kinh tế, tăng mạnh dự báo lạm phát toàn cầu;

Mỹ: Lạm phát tăng chủ yếu do giá năng lượng tăng mạnh, thâm hụt thương mại giảm nhanh nhưng người tiêu dùng vẫn bị quan hơn;

Trung Quốc: Lạm phát có dấu hiệu giảm; Thương mại hồi phục mạnh hơn dự báo;

ECB: Tăng lãi suất lần đầu tiên sau 10 năm vào tháng 7 và tháng 9 tới.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

Thông tin Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV: Đại biểu Quốc hội chất vấn về phân bổ hạn mức tín dụng; lợi nhuận ngân hàng; quản lý thị trường vàng...;

Ngân sách Nhà nước: Minh bạch ngân sách được cải thiện;

Lãi suất liên ngân hàng có xu hướng giảm, Ngân hàng Nhà nước hút ròng;

Giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp tháng 5/2022 đạt trên 24.000 tỷ;

Số tài khoản đầu tư cá nhân mở mới tháng 5/2022 lập kỷ lục.

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/- 1W	%+/- M	%+/- Y
Qua đêm	0,38	-0,07	-0,36	-0,35
1 Tuần	0,84	-0,23	-0,54	-0,59
2 Tuần	1,5	-1,02	-0,84	-0,73
1 Tháng	2,33	0,06	-0,17	0,10
3 Tháng	3,12	-0,67	0,09	0,53
6 Tháng	3,78	-0,37	-0,15	0,56
9 Tháng*	4,21	-0,19	0,10	0,95
Ghi chú:				

Nguồn: NHNN

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	Khối lượng gói thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
6/6/2022	14	2,5	10.000	1/1	287,41	2,5
7/6/2022	14	2,5	10.000	1/1	170,21	2,5
8/6/2022	14	2,5	10.000	1/1	366,9	2,5
9/6/2022	14	2,5	10.000	1/1	195,8	2,5
10/6/2022	14	2,5	10.000	0/0	0	2,5
Tổng cộng			50.000		1020,32	

Nguồn: NHNN

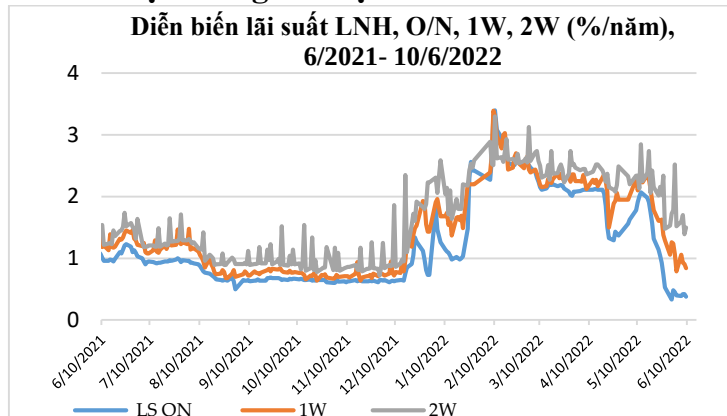
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2022		Tuần 23 (06/06/2022 - 10/06/2022)	
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,69		0,90	
Tỷ lệ trúng thầu (%)		42%		41%	
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)	
1	3 Năm	9.000		1.500	
2	5 Năm	7.000		500	
3	7 Năm	3.000			
4	10 Năm	55.300		2.500	
5	15 Năm	50.200		2.500	
6	20 Năm	8.500			
7	30 Năm	15.000		500	
	Tổng	148.000		7.500	
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)
1	3 Năm	7.000	2,2 - 3,6	0	0 - 0
2	5 Năm	9.200	1,55 - 3	100	2,63 - 2,63
3	7 Năm	6.050	1,3 - 2,95		
4	10 Năm	112.583	2,05 - 4,5	3.701	2,4 - 3,5
5	15 Năm	88.310	2,33 - 4,01	2.940	2,67 - 3,6
6	20 Năm	6.915	2,73 - 3,5		
7	30 Năm	19.560	2,94 - 3,6	0	
	Tổng	249.618		6.741	0 - 0
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)
1	3 Năm	2.600	2,3 - 2,3	0	0 - 0
2	5 Năm	100	2,39 - 2,39	0	0 - 0
3	7 Năm	0	0 - 0		
4	10 Năm	27.142	2,07 - 2,4	1.500	2,4 - 2,4 (+0,03%)
5	15 Năm	21.860	2,35 - 2,7	1.540	2,7 - 2,7 (+0,03%)
6	20 Năm	2.265	2,75 - 2,75		
7	30 Năm	8.625	2,96 - 3,01		0 - 0
	Tổng	62.592		3.040	

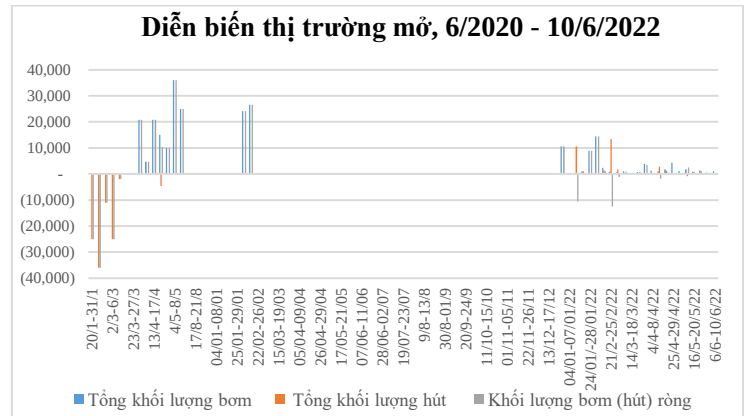
Nguồn: HNX

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

1. Thị trường tiền tệ

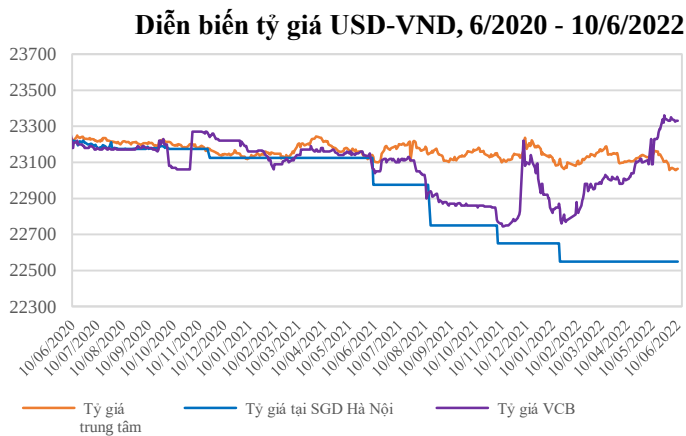


Nguồn: NHNN

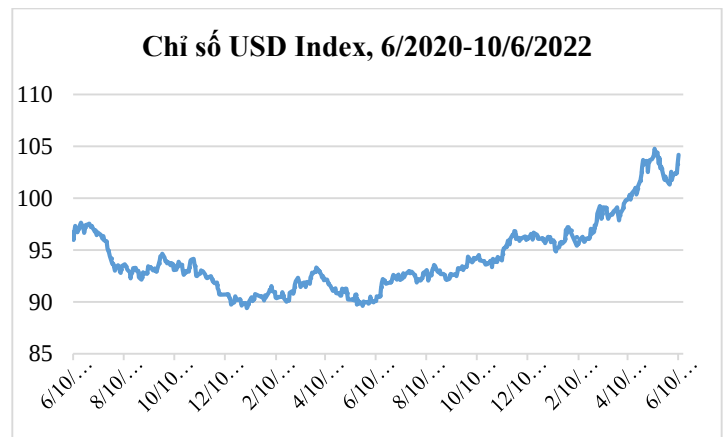


Nguồn: NHNN

Thị trường ngoại hối

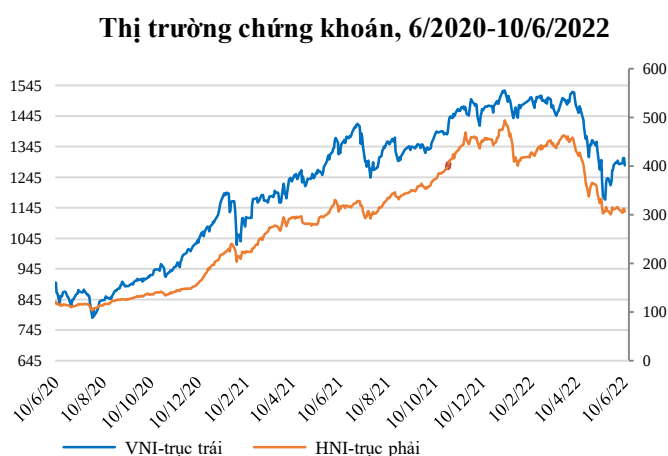


Nguồn: NHNN

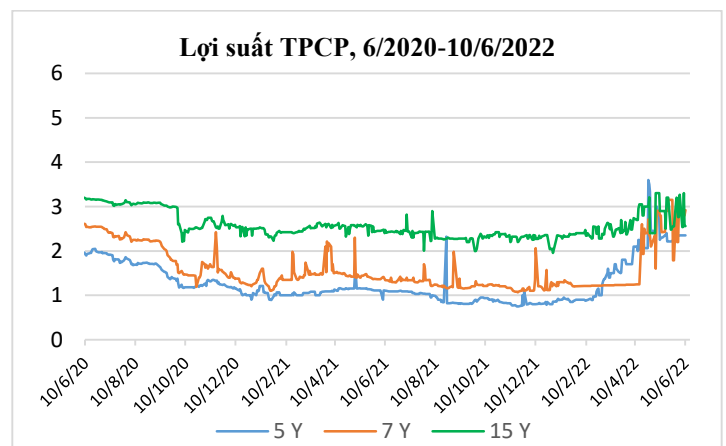


Nguồn: Trading economics

2. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX



Nguồn: HNX

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ QUỐC TẾ TUẦN 23 (06/6-10/6/2022)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	0.75%	0.25 %	04/05/2020	15/06/2022
ECB	EURO Zone	0.00%	0.05 %	10/03/2016	21/07/2022
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	17/06/2022
PBoC	Tr/Quốc	3.70%	3.85 %	20/01/2022	NA
RBA	Úc	0.85%	0.35 %	07/06/2022	05/07/2022
BoE	Anh	1.00%	0.25 %	05/05/2022	16/06/2022
BOK	Hàn Quốc	1.75%	1.50 %	24/05/2022	14/07/2022
BI	Indonesia	3.50%	3.75 %	18/02/2021	23/06/2022
BNM	Malaysia	2.00%	1.75 %	11/05/2022	06/07/2022
BOT	Thái Lan	0.50%	0.25%	30/03/2022	10/08/2022
CBR	Nga	9.50%	11.00%	26/05/2022	22/07/2022

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_ % theo tuần	+/_ % theo tháng	+/_ % YoY
EURUSD	1.05120	-1.93%	-0.02%	-13.18%
GBPUSD	1.23079	-1.44%	0.59%	-12.68%
AUDUSD	0.70429	-2.26%	1.54%	-8.56%
USDJPY	134.384	2.73%	3.50%	22.53%
USDCNY	6.73160	1.19%	-0.43%	5.26%
USDCAD	1.27845	1.52%	-1.59%	5.18%
USDRUB	55.7500	-8.40%	-13.23%	-22.36%
USDKRW	1275.77	2.01%	-0.25%	14.28%
DXY	104.1480	1.97%	0.29%	15.01%
USDTHB	34.7200	1.22%	0.23%	11.71%
USDSGD	1.38767	0.85%	-0.20%	4.71%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % YoY
<u>United States</u>	3.1649	0.22%	0.24%	1.70%
<u>UK</u>	2.4430	0.28%	0.62%	1.73%
<u>Japan</u>	0.2500	0.02%	0.00%	0.22%
<u>Australia</u>	3.6680	0.17%	0.17%	2.22%
<u>Germany</u>	1.5020	0.23%	0.50%	1.77%
<u>China</u>	2.8100	-0.01%	-0.02%	-0.36%
<u>Hong Kong</u>	3.0390	0.20%	0.10%	1.89%
<u>Indonesia</u>	7.2200	0.22%	-0.20%	0.79%
<u>Malaysia</u>	4.2400	0.04%	-0.16%	1.00%
<u>Philippines</u>	6.7100	-0.04%	0.55%	2.97%
<u>Singapore</u>	2.9290	0.10%	0.13%	1.53%
<u>South Korea</u>	3.4950	0.09%	0.22%	1.39%
<u>Taiwan</u>	1.2900	0.04%	-0.04%	0.86%
<u>Thailand</u>	2.8700	0.00%	-0.46%	1.21%
<u>Vietnam</u>	3.2730	0.01%	-0.03%	1.09%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/- % 1 W	+/- % 1 M	+/- % YTD	+/- % 1Y	+/- % 3 Y
<u>Dow Jones</u>	-4.58%	-1.06%	-13.61%	-8.95%	+20.72%
<u>S&P 500</u>	-5.05%	-0.74%	-18.16%	-8.16%	+35.45%
<u>Nasdaq</u>	-5.60%	-0.27%	-27.52%	-19.40%	+45.52%
<u>DAX</u>	-4.83%	+0.16%	-13.37%	-12.31%	+13.59%
<u>FTSE 100</u>	-2.86%	+1.16%	-0.91%	+2.57%	-0.68%
<u>CAC 40</u>	-4.60%	-0.31%	-13.50%	-6.26%	+15.11%
<u>Euro Stoxx 50</u>	-4.88%	-0.39%	-16.27%	-12.78%	+6.28%
<u>Nikkei 225</u>	+0.23%	+8.06%	-3.36%	-3.88%	+31.68%
<u>Shanghai</u>	+2.80%	+7.52%	-9.75%	-8.49%	+12.90%
<u>Hang Seng</u>	+3.43%	+12.52%	-6.80%	-24.39%	-20.15%
<u>SET</u>	-0.91%	+3.04%	-1.51%	-0.24%	-2.30%
<u>KOSPI</u>	-2.80%	+1.80%	-12.82%	-20.11%	+23.10%
<u>IDX</u>	-1.34%	+7.38%	+7.68%	+16.26%	+12.91%
<u>PSEi</u>	-3.14%	-0.03%	-8.32%	-5.47%	-18.69%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
<u>Crude Oil</u> USD/Bbl	120.670	1.51%	16.00%	70.92%
<u>Natural gas</u> USD/MMBtu	8.8500	3.84%	15.84%	168.51%
<u>Gasoline</u> USD/Gal	4.1722	-1.88%	16.75%	90.85%
2. Kim loại quý				
<u>Gold</u> USD/t.oz	1870.96	1.09%	1.02%	-0.30%
<u>Silver</u> USD/t.oz	21.870	-0.18%	1.46%	-21.58%
<u>Lithium</u> CNY/T	474500	1.28%	3.72%	433.15%
<u>Platinum</u> SD/t.oz	973.25	-4.02%	-1.92%	-15.37%

3. Khoáng sản	Giá	+/_ % W	+/_ % M	+/_ % Y
<u>Copper</u> USD/Lbs	4.3010	-3.94%	2.22%	-5.30%
<u>Steel</u> CNY/T	4600.00	0.00%	-9.09%	-6.12%
<u>Iron Ore</u> USD/T	141.50	-1.05%	11.42%	-35.97%
<u>Aluminum</u> USD/T	2680.00	-3.68%	-3.53%	8.80%
<u>Tin</u> USD/T	36740	3.18%	3.41%	17.50%
<u>Zinc</u> USD/T	3692.50	-4.66%	0.65%	21.02%
<u>Nikel</u> USD/T	27188	-3.11%	-1.89%	49.35%
<u>Coal</u> USD/T	392.35	-4.88%	1.91%	208.94%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 11/6/2022

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

WB: Hạ triển vọng tăng trưởng toàn cầu; CPI trung bình toàn cầu lên 7,8% -mức cao nhất kể từ 2008

Tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ giảm từ 5,7% vào năm 2021 xuống **2,9% vào năm 2022** - thấp hơn đáng kể so với 4,1% được dự đoán hồi tháng 1/2022.

Dự kiến mức tăng trưởng cũng chỉ dao động xấp xỉ mức này trong giai đoạn 2023-24, vì tác động của cuộc chiến ở Ukraine, nhu cầu bị dồn nén giảm dần và hỗ trợ từ chính sách tài khóa và tiền tệ bị rút dần. Do thiệt hại từ đại dịch và chiến tranh, mức thu nhập bình quân đầu người ở các nền kinh tế đang phát triển năm nay sẽ giảm gần 5% so với xu hướng trước đại dịch.

Lạm phát đã tăng tốc ở cả các nền kinh tế phát triển và đang phát triển, do nhu cầu gia tăng, gián đoạn chuỗi cung ứng dai dẳng và đặc biệt là giá hàng hóa tăng vọt. Chỉ số CPI trung bình toàn cầu lên đến 7,8% yoy tính đến tháng 4/2022 – mức cao nhất kể từ 2008; (với các nền kinh tế đang phát triển khoảng 9,4% - cao nhất từ 2008, với các nền kinh tế phát triển là 6,9% - cao nhất kể từ 1982).

Lạm phát lõi trong nửa đầu năm 2022 cũng tăng mạnh; tăng giá nhà, chất đốt, vận tải và đồ gia dụng cũng đã góp phần từ 2/3 đến 2/5 vào mức gia tăng lạm phát tổng thể ở các nền kinh tế đang phát triển và phát triển.

OECD hạ sâu dự báo tăng trưởng kinh tế, tăng mạnh dự báo lạm phát toàn cầu

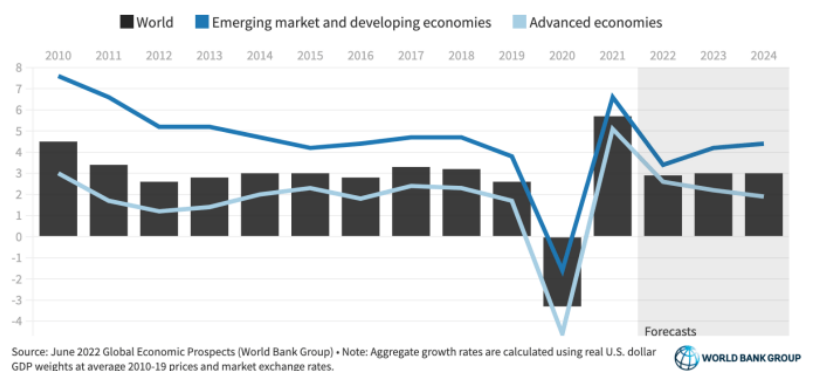
OECD điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu 2022 **xuống 3%** (tháng 12/2021 dự báo 4,5%) do những tác động từ xung đột Ukraine, gián đoạn nguồn cung tiếp tục từ những đợt phong tỏa chống Covid-19 ở Trung Quốc.

Tăng trưởng kinh tế ở hầu hết các nước đều yếu hơn dự kiến, chịu tác động tiêu cực nhiều nhất là các nước ở châu Âu, do phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu năng lượng và làn sóng người di cư. OECD cũng nâng dự báo lạm phát từ 5% trước đó lên 8,5% ở khối OECD.

						Chênh so với dự báo trước	
		2019	2020	2021e	2022 f	2023 f	2023f
Toàn cầu		2.6	-3.3	5.7	2.9	3.0	-1.2
Các nền kinh tế phát triển		1.7	-4.6	5.1	2.6	2.2	-1.2
	Hoa Kỳ	2.3	-3.4	5.7	2.5	2.4	-0.2
	Khu vực EURO	1.6	-6.4	5.4	2.5	1.9	-0.2
	Nhật Bản	-0.2	-4.6	1.7	1.7	1.3	0.1
Các nền kinh tế đang phát triển		3.8	-1.6	6.6	3.4	4.2	-0.2
	Đông Á - TBD	5.8	1.2	7.2	4.4	5.2	-0.7
	Trung Quốc	6.0	2.2	8.1	4.3	5.2	-0.1

A steep slowdown is underway

GDP growth (%)



Trong đó, WB dự báo kinh tế Việt Nam năm 2022, 2023 tăng trưởng lần lượt 5,8% và 6,5%. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong 2 năm tới luôn cao hơn so với một số nước trong khu vực như Thái Lan, Campuchia...

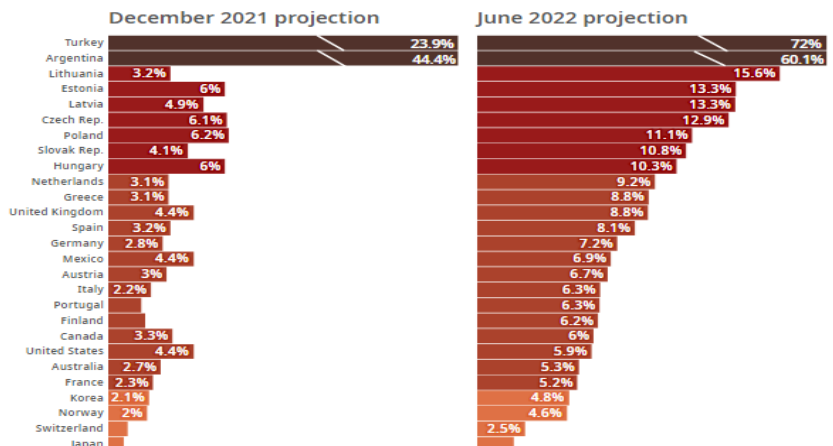
(Báo cáo triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 6.2022)

Nguồn: wb.org

Annual inflation projections for 2022

Year-on-year, %

June 2022 projection: ■ >20% ■ 10-20% ■ 5-10% ■ <5%



Nguồn: oecd.com

Mỹ: Lạm phát tăng chủ yếu do giá năng lượng tăng mạnh, thâm hụt thương mại giảm nhanh nhưng người tiêu dùng vẫn bị quan hơn

Lạm phát tăng trở lại, người tiêu dùng bị quan
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2022 bất ngờ tăng lên 8,6% yoy – mức cao nhất từ tháng 12/1981 (tăng 1% mom). Giá năng lượng tăng 34,6% (xăng 48,7%, dầu 106,7%, khí ga 30,2%, điện 12%); lương thực tăng 10,1%.

Lạm phát lõi giảm tháng thứ 2 liên tiếp xuống 6% (tăng 0,6% mom).

Tâm lý người tiêu dùng giảm kỷ lục

Tâm lý tiêu dùng (theo khảo sát của Đại học Michigan đến 10/6/2022) cũng giảm mạnh xuống còn 50,2 so với dự báo thị trường là 58 điểm. 46% người tiêu dùng có đánh giá bị quan về kỳ vọng lạm phát trong vòng 1 năm tới có thể tới 5,4%, và 5 năm tới là 3,3% - mức cao nhất kể từ tháng 7/2008.

Thâm hụt thương mại giảm nhanh hơn dự báo

Thương mại tháng 4/2022:

Xuất khẩu tăng 3,5% mom, đạt kỷ lục 252,6 tỷ USD.

Nhập khẩu giảm 3,7% mom, xuống còn 339,7 tỷ USD.

Thâm hụt thương mại giảm xuống mức thấp nhất 4 tháng là 87,1 tỷ USD (tháng 3 thâm hụt gần 108 tỷ USD).

Thâm hụt thương mại với Trung Quốc giảm 8,5 tỷ USD còn gần 40 tỷ USD (nhập khẩu giảm 10 tỷ \$ - giảm mạnh nhất trong vòng 7 năm qua, do Trung Quốc đóng cửa chống Covid-19).

Trung Quốc: Lạm phát giá tiêu dùng theo tháng giảm lần đầu tiên trong 5 tháng qua, thặng dư thương mại lớn hơn dự báo

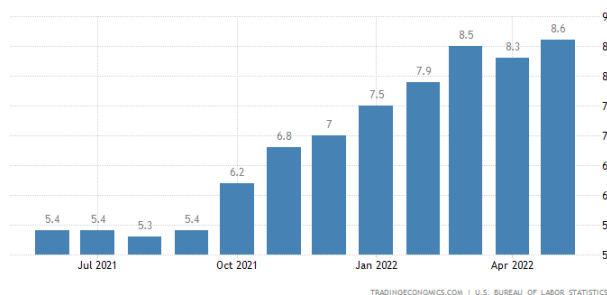
Tình hình lạm phát tháng 5/2022:

Lạm phát giá tiêu dùng tăng 2,1%, tương đương với tháng trước nhưng thấp hơn dự báo thị trường (2,2%). Giá lương thực tăng mạnh nhất kể từ tháng 9/2020 là 2,3% (tháng 4 là 1,9%).

Tuy nhiên, giá tiêu dùng tháng 5/2022 theo tháng đã giảm 0,2% (tháng 4 tăng 0,4%, dự báo thị trường giảm 0,3%).

Lạm phát giá sản xuất đã hạ nhiệt xuống mức thấp nhất 14 tháng là 6,4% yoy (tháng 4 là

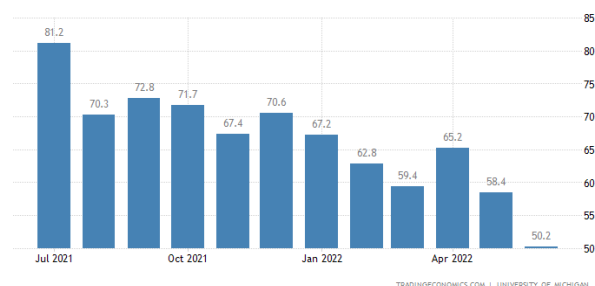
Lạm phát tháng 5/2022



Lạm phát lõi tháng 5/2022



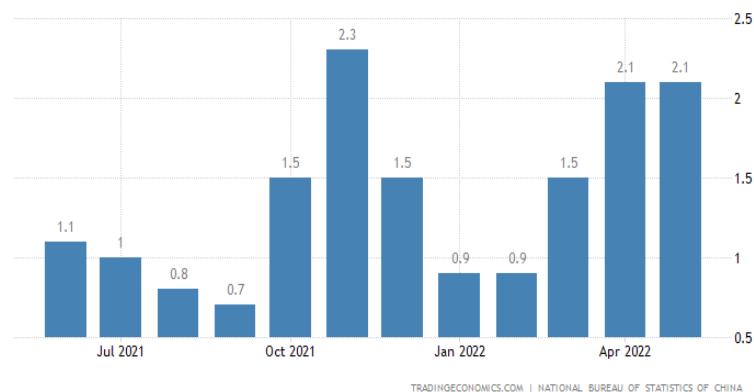
Chỉ số tâm lý tiêu dùng giảm sâu kỷ lục



Goods and Services Trade Deficit Seasonally adjusted



Nguồn:



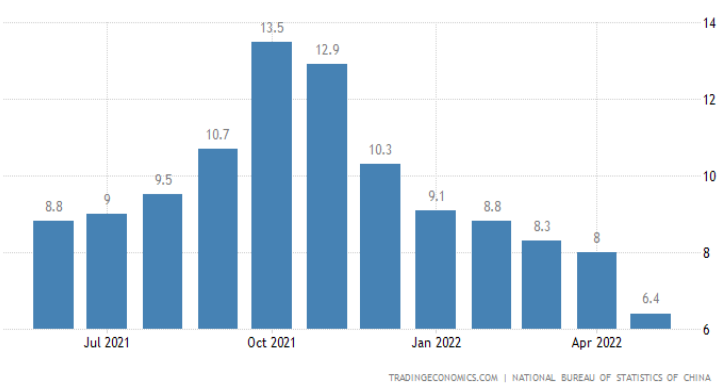
8,0%), và 0,1% mom (tháng 4 là 0,6%). Trong 5 tháng đầu năm, giá sản xuất đã tăng 8,1% yoy.

Thặng dư thương mại lớn hơn dự báo

Thặng dư thương mại tháng 5/2022 đạt 78,76 tỷ USD (tháng 4 là 43,28 tỷ, dự báo 58 tỷ USD) – là mức thặng dư lớn nhất từ đầu năm nay. Xuất khẩu tăng gần 17% yoy - mạnh nhất 4 tháng qua, đạt 308,25 tỷ USD (tháng trước chỉ tăng 3,9%). Nhập khẩu tăng lần đầu tiên sau 3 tháng, tăng 4,1% yoy đạt 229 tỷ USD (dự báo chỉ 2%).

5 tháng đầu năm:

Xuất khẩu tăng 13,5% yoy, ASEAN là thị trường lớn nhất. Nhập khẩu tăng 6,6%, nhập khẩu từ Nga tăng 46,5%.



Nguồn: nbs/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới

Giá dầu cuối tuần giảm nhưng xu thế đang tăng lên do nhu cầu của Trung Quốc có triển vọng tăng cao và tiếp tục căng thẳng nguồn cung. Giá dầu giảm trong phiên giao dịch ngày 10/6/2022, sau khi giá tiêu dùng Mỹ tăng vượt kỳ vọng và Trung Quốc áp các biện pháp chống COIVD mới.

Chốt phiên giao dịch, giá dầu Brent giảm 2,4% xuống 120,07 USD/thùng, trong khi giá dầu WTI của Mỹ cũng giảm 2,4% xuống 118,55 USD.

Giá một số hàng hóa TT Quốc tế

Hàng hóa cơ bản	Giá	% thay đổi tuần	% thay đổi tháng	% thay đổi YoY
Dầu (WTI)(usd/Bbl)	118.97	0.39%	6.39%	68.43%
Dầu (Brent)(usd/Bbl)	120.32	0.68%	7.32%	65.14%
Vàng (usd/t.oz)	1,863.61	1.24%	2.19%	-0.12%
Cà phê (usd/Lbs)	228.90	-1.51%	4.00%	45.38%
Gạo (usd/owt)	16.34	-5.17%	-8.33%	30.67%
Thép (cny/t)	4,600.00	0.00%	-9.09%	-6.12%
Quặng sắt (usd/T)	141.50	-1.05%	11.42%	-35.97%
Cao su (Jpy/kg)	256.00	-1.12%	6.00%	3.60%

Nguồn: Tradingeconomics/TTTT tổng hợp

II. Thị trường tài chính

NHTW các nước

FED: Cuộc họp chính sách tháng 6/2022

Fed dự kiến sẽ có cuộc họp chính sách trong các ngày 14-15/6/2022 và sẽ quyết định tăng lãi suất thêm 0,5%.

ECB: Tăng lãi suất lần đầu tiên sau 10 năm vào tháng 7 và tháng 9 tới

Trong cuộc họp chính sách ngày 9/6/2022, ECB quyết định: Tháng 7/2022 tăng lãi suất 0,25%

Dữ liệu lạm phát dữ dội hơn đang khiến thị trường cho rằng Fed có thể mạnh tay hơn. Các ngân hàng Barclays và Jefferies điều chỉnh dự báo Fed sẽ nâng lãi suất thêm 0,75%. Goldman Sachs dự báo Fed tăng lãi suất 0,5%, 2 đợt vào tháng 7 và tháng 9/2022 đều tăng 0,5%.

Dự báo cho khu vực Euro: Lạm phát tháng 5/2022 là 8,1% Dự báo lạm phát cả năm 2022 là 6,8%. Dự báo tăng trưởng GDP 2022 là 2,8% (2023 là 2,1%). Một số tổ chức khác dự báo mức tăng lãi suất của ECB: Morgan Stanley: tháng 9 tăng 0,5%, tháng 10 tăng 0,25%.

Tháng 9/2022 tăng lãi suất có thể là 0,50% (phụ thuộc vào triển vọng lạm phát trong trung hạn). Châm dứt mua ròng tài sản (QE) từ 01/7/2022.

Deutsche Bank: 2 đợt tăng 0,5% vào tháng 9 và 10/2022.

Nguồn: ecb/reuters

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. Kinh tế vĩ mô

Thông tin Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV

Đại biểu Quốc hội chất vấn cần làm rõ căn cứ thực tế, tính khoa học và tính pháp lý của cơ chế trong bối cảnh hiện nay.

Cơ chế phân bổ hạn mức tín dụng cho các ngân hàng thương mại có đi ngược sự phát triển và tiến bộ của thị trường?

Lợi nhuận ngân hàng lớn trong khi doanh nghiệp, nền kinh tế gặp nhiều khó khăn.

Trong 27 điểm quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN theo Luật NHNN, không có điểm cơ sở nào cho phép NHNN được quyền phân bổ hạn mức tín dụng cho các NHTM như thời gian qua. Trong Luật Các tổ chức tín dụng (cả bản sửa đổi) không có quy định về "hạn mức", "chỉ tiêu", "phân bổ", "giới hạn" về tăng trưởng tín dụng hàng năm cho từng NHTM.

Lợi nhuận ngân hàng/tổng tài sản là không lớn (20.000 tỷ đồng/16 triệu tỷ đồng (trong đó tín dụng khoảng 12 triệu tỷ đồng)).

Có quan điểm nếu tính lợi nhuận/vốn chủ sở hữu thì trong hai năm đại dịch vừa qua nhiều ngân hàng đạt từ 20-25%, gấp gần 4 lần mức lãi suất tiết kiệm kỳ hạn một năm, và như vậy là lợi nhuận rất lớn.

Nguồn: quocloi.vn/cafeF.vn

Ngân sách Nhà nước: Minh bạch ngân sách được cải thiện

Kết quả Khảo sát ngân sách mở toàn cầu năm 2021 (OBS2021) vừa được Tổ chức Hợp tác ngân sách quốc tế (IBP) công bố, điểm số công khai minh bạch ngân sách của Việt Nam tiếp tục được cải thiện, nâng mức xếp hạng của Việt Nam lên 68/120 nước, tăng 9 bậc so với năm 2019 và tăng 23 bậc so với năm 2017.

Bộ Tài chính đã tham gia đánh giá OBS từ năm 2015 và đến nay đã tham gia 4 lần khảo sát vào các năm 2015, 2017, 2019 và 2021 và kết quả tương ứng là: 18/100; 15/100; 38/100. Sự tham gia của công chúng tương ứng là: 42/100; 7/100; 11/100. Giám sát ngân sách tương ứng là: 68/100; 72/100; 74/100.

Nguồn: BTC

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường tiền tệ trong tuần 22, từ 6/6-10/6/2022, thị trường diễn ra ổn định, thanh khoản thị trường thông suốt.

- Lãi suất VND LNH biến động theo xu hướng giảm dần qua các phiên.
- Thị trường mở trong tuần 22 có 1020,34 tỷ đồng trúng thầu, tăng 45,5% so với tuần trước.

- Tuần từ 06/06 - 10/06, lãi suất VND LNH biến động theo xu hướng giảm dần qua các phiên. Chốt ngày 10/06, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,44% (-0,06 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 1,12% (-0,12 đpt); 2W 1,52 (-0,19 đpt); 1M 2,02% (-0,13 đpt).

- Trên thị trường mở tuần từ 06/06 - 10/06, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng/phiên trên kênh cầm cố ở cả 5 phiên, đều với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 1.020,34 tỷ đồng trúng thầu trong tuần qua. Trong tuần có 1.371,67 tỷ đồng đáo hạn. Như vậy, NHNN hút ròng 351,33 tỷ VND từ thị trường, đưa khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 1.576,39 tỷ VND.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.2. Thị trường ngoại hối

- **Diễn biến thị trường ngoại tệ và tỷ giá USD/VND trong tuần 22 diễn ra ổn định so với tuần trước. Không ghi nhận biến động bất thường.**

- Chỉ số USD Index trong tuần 22 tăng trở lại sau 2 tuần giảm. Chốt phiên ngày 10/6, chỉ số USD đạt 104,189 điểm, tăng nhẹ 2,02 điểm so với cuối phiên tuần trước và tăng 0,883 điểm so với phiên ngày hôm trước.

- Trong tuần từ 06/06 - 10/06, tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh tăng – giảm nhẹ. Phiên cuối tuần 10/06, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.065 VND/USD, giảm nhẹ 04 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

- Tỷ giá tại SGD Hà Nội được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng. Tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được duy trì niêm yết ở mức 23.250 VND/USD.

- Tỷ giá niêm yết của SBV chốt phiên đầu tuần ở mức 23.335 VND/USD, giảm nhẹ 5 đồng so với cuối phiên tuần trước và tiếp tục giảm 10 đồng ở phiên tiếp theo trước khi giữ ổn định ở mức 23.330 VND/USD cho đến hết tuần.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp:

Tuần 23 (06/06/2022 - 10/06/2022)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **3.040 / 7.500** tỷ đồng, trùng tương ứng với tỷ lệ là 41%. Đã có hiện tượng suy giảm nhẹ trong đặt thầu so với các tuần trước.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng là: 10 năm - lãi suất 2,4% (+ 0,03 điểm % so với tuần trước); 15 năm - lãi suất 2,7% (+ 0,03 điểm % so với tuần trước)

Lũy kế từ đầu năm 2022. KBNN đã huy động được 62.592 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Tình hình phát hành Trái phiếu doanh nghiệp tháng 5/2022

Trong tháng 5/2022, có 1 đợt phát hành trái phiếu ra công chúng và 34 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với tổng giá trị phát hành 24.105 tỷ đồng.

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán: Tuần qua các chỉ số chính của thị trường có điều chỉnh giảm nhẹ so với tuần trước, tuy nhiên thanh khoản tăng với bình quân là 20,18 nghìn tỷ đồng/phiên.

Trên thị trường thứ cấp:

Tuần 23 (06/06/2022 - 10/06/2022).

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 8.824 tỷ đồng/ phiên, tăng 86% so với tuần trước.

Lợi suất TPCP các kỳ hạn biến động trái chiều, tăng nhẹ ở kỳ hạn 10,15,30 năm và giảm nhẹ ở các kỳ hạn còn lại. Chốt phiên 10/06, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1 năm 1,75% (-0,19 điểm %); 2 năm 1,97% (-0,06 điểm %); 3 năm 2,04% (-0,05 điểm %); 5 năm 2,38% (-0,001 điểm %); 7 năm 2,93% (+0,04 điểm %); 10 năm 3,15% (+0,01 điểm %); 15 năm 3,33% (+0,01 điểm %); 30 năm 3,44% (+0,02 điểm %).

Nguồn: HNX; HSX; NHNN

Nhóm ngân hàng thương mại đứng đầu về giá trị phát hành trong tháng 5 với 14.629 tỷ đồng, chiếm 60,68% tổng giá trị phát hành;

Nhóm bất động sản xếp ở vị trí thứ hai khi phát hành 6.879 tỷ đồng trái phiếu, tương đương 28,53% tổng giá trị phát hành; trong đó, nổi bật nhất là Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư địa ốc Nova với 5.774 tỷ đồng trái phiếu kỳ hạn 10 năm.

Tính từ đầu năm đến hết tháng 5/2022, có tổng cộng 160 đợt doanh nghiệp phát hành riêng lẻ với tổng giá trị khoảng 104.828 tỷ đồng, chiếm 92,09% tổng giá trị phát hành và 17 đợt phát hành ra công chúng giá trị 8.996 tỷ đồng, chiếm 7,91% tổng giá trị phát hành. Giá trị phát hành trái phiếu ra công chúng tăng 11% và giá trị phát hành trái phiếu riêng lẻ giảm 23% so với cùng kỳ năm trước.

Nguồn: VBMA

VN-Index ở phiên cuối tuần là 1284,08 điểm (-3,9 điểm; 0,01%) và **HNXIndex** đóng cửa ở 306,44 điểm (- 4,04 điểm ; -1 %) so với tuần giao dịch trước;

Khối ngoại đã mua ròng hơn 1.150 tỷ đồng trong tuần.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 10/6/2022 giảm so với tuần trước và còn ở mức là 78,2%. Với mức này thì giảm 10,5 điểm % so với đầu năm 2021 và giảm 0,88 % so với cuối năm 2020.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày cuối tuần.

2. GDP TCTK công bố 4 quý gần nhất.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

Số tài khoản đầu tư cá nhân mở mới tháng 5/2022 lập kỷ lục

Tổng số tài khoản chứng khoán tại Việt Nam đạt gần 5,7 triệu ở thời điểm cuối tháng 5.

Tính chung cả 5 tháng đầu năm 2022, nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới gần 1,4 triệu tài khoản chứng khoán, gấp 2,5 lần cùng kỳ năm trước. Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư trong nước tới hết tháng 5 đạt hơn 5,65 triệu, tương đương hơn 5,7% dân số.

Số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân trong nước mở mới tháng 5 lập kỷ lục 476.332, gấp đôi so với tháng 4. Con số này cũng cao hơn 76% so với kỷ lục cũ là 270.011 tài khoản hồi tháng 3/2022. Trong khi đó, lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư tổ chức trong nước tháng 5 đạt 123, giảm 23% so với tháng trước.

Lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư nước ngoài là 256, giảm 27% so với tháng 4/2022. Tổng số tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài tại thời điểm cuối tháng 5 đạt 41.118.

Nguồn: VSD

PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan ban hành	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
TTCP	Quyết định 689/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025"	8/6/2022	8/6/2022	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205929
TTCP	Quyết định 687/QĐ-TTg 2022 Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam	7/6/2022	7/6/2022	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205921
TTCP	Công điện số 501/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc đôn đốc triển khai thực hiện quyết liệt, hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia	10/6/2022	10/6/2022	https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=205941
	2. Ngân hàng			
	3. Tài chính			

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA